

Đ/3
C/C
KIỂM
T/1
V/H/A)

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2011	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2011	14 – 37
8. Phụ lục	38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C).

Khái quát về Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 được thành lập trên cơ sở chuyển Công ty Nhà nước là Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 4 thành công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 8 năm 2007 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3703000280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19 tháng 5 năm 2008, thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 6 năm 2009 và thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 12 năm 2009, thay đổi lần thứ 4 ngày 19 tháng 8 năm 2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 7 năm 2011 và thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 10 năm 2011.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 kế thừa toàn bộ các quyền lợi hợp pháp của Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 4 kể từ thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần.

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 như sau:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	26.066.880.000	51,12
Các cổ đông khác	24.920.890.000	48,88
Cộng	50.987.770.000	100,00

Cổ phiếu của Công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TV4.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- Kiểm định, giám định và chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực, chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.
- Tư vấn thiết kế công trình nguồn điện, lưới điện, điện chiếu sáng, các dạng năng lượng mới và tái tạo.
- Thiết kế công trình thủy lợi.
- Lập quy hoạch phát triển điện lực vùng lanh thổ, quy hoạch phát triển điện các tỉnh, thành phố, quận, huyện, lập quy hoạch phát triển các nguồn năng lượng mới và tái tạo.
- Khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, địa kỹ thuật.
- Khảo sát, đo đạc, quan trắc khí tượng, thủy văn công trình.
- Xử lý gia cố nền móng, bao gồm: đo vẽ bản đồ địa chất công trình, địa chất thủy văn, khoan đào thăm dò, địa vật lý, khảo sát vật liệu xây dựng, khoan phut.
- Dịch vụ đo vẽ bản đồ địa hình, địa chính; quan trắc biến dạng công trình.
- Giám sát khảo sát công trình.
- Tư vấn lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán công trình, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu.
- Giám sát thi công xây dựng công trình nguồn điện, lưới điện, công trình công nghiệp, dân dụng và thủy lợi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tư vấn thiết kế công trình đường bộ đến cấp 3, thiết kế kết cấu công trình dân dụng cấp 3 đến 6 tầng, công trình công nghiệp cấp 4, thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp đến cấp 3.
- Thí nghiệm phân tích nước; thí nghiệm cơ lý đất đá, nền móng công trình và vật liệu xây dựng; thí nghiệm kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm, phân tích đánh giá các chỉ tiêu về môi trường.
- Tư vấn thẩm tra báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; thẩm tra thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán, hồ sơ mời thầu công trình xây dựng.
- Tư vấn về môi trường, khảo sát và lập báo cáo về bồi thường, tái định cư, định cư các dự án đầu tư xây dựng. Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Khảo sát điều tra, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- Giám sát môi trường.
- Sản xuất, kinh doanh điện năng.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị điện.
- Mua bán thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm máy tính.
- Gia công chế tạo cầu kiện, vật liệu điện.
- Xây lắp điện.
- Kinh doanh khách sạn.
- Vận tải hàng hóa bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 11 Hoàng Hoa Thám, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại : (058) 2220 405

Fax : (058) 2220 400

Website : www.pecc4.com.vn

Các đơn vị trực thuộc:

Đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh phía Bắc	Số 10 - A4 - Khu Đô thị Đàm Tráu – Phường Bạch Đằng – Quận Hai Bà Trưng – TP. Hà Nội
Chi nhánh phía Nam	Số 46/8 Đường Trần Quý Khoách – Phường Tân Định – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Tại Nghị quyết số 12/NQ- DHĐCD ngày 20 tháng 01 năm 2011, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2010, Hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyên đổi để góp vốn đầu tư dự án Thuỷ điện Srêpôk 4A, tổng giá trị trái phiếu phát hành là 51 tỉ đồng. Ngày 25 tháng 11 năm 2011 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 đã có Công văn gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Báo cáo kết quả chào bán trái phiếu chuyên đổi, theo đó số lượng trái phiếu đã phân phối 510.000 trái phiếu với tổng số tiền thu được từ việc bán trái phiếu là 51.000.000.000 VND.

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).

- Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011 ngày 26 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2010 bằng cổ phiếu với tỷ lệ trả cổ tức 20% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được 20 cổ phiếu mới). Ngày 08 tháng 7 năm 2011 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 đã có Công văn gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức, theo đó số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành thêm là 840.777 cổ phiếu, tương ứng 8.407.770.000 VND (từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

02.
NH
TINH
TUV
ANG
OA
XANH

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Sơn	Chủ tịch	10 tháng 7 năm 2007	-
Ông Trần Văn Thọ	Thành viên	10 tháng 7 năm 2007	-
Ông Văn Công Minh	Thành viên	26 tháng 4 năm 2008	-
Ông Lương Văn Đài	Thành viên	30 tháng 6 năm 2008	29 tháng 02 năm 2012
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	26 tháng 4 năm 2011	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Sơn	Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2007	-
Ông Trần Văn Thọ	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2007	-
Ông Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 8 năm 2007	-
Ông Vũ Thành Danh	Kế toán trưởng	16 tháng 8 năm 2007	-

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các số kế toán được ghi chép, lưu giữ một cách đầy đủ và phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2012



Số: 046/2012/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 12 tháng 3 năm 2012, từ trang 07 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
Chi nhánh Nha Trang – Khánh Hòa



Nguyễn Văn Kiên - Giám đốc
 Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0192/KTV

Nha Trang, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Đoàn Nguyễn Hiếu Hạnh - Kiểm toán viên
 Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1248/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		126.914.287.641	112.144.090.413
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.245.070.656	2.806.240.274
1. Tiền	111		3.228.826.211	2.806.240.274
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.016.244.445	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103.243.221.458	106.083.094.526
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	107.540.796.821	111.846.915.672
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	2.614.974.322	2.773.783.192
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.165.868.790	904.742.908
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(8.078.418.475)	(9.442.347.246)
IV. Hàng tồn kho	140		7.707.854.530	2.108.163.868
1. Hàng tồn kho	141	V.6	7.707.854.530	2.108.163.868
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.718.140.997	1.146.591.745
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		63.844.606	7.993.260
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	1.654.296.391	1.138.598.485

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		109.048.726.559	99.127.778.265
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.387.325.818	4.048.969.157
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.8	2.387.325.818	4.048.969.157
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.395.639.916	23.980.853.244
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	10.651.494.687	6.780.704.136
<i>Nguyên giá</i>	222		32.740.714.961	27.107.882.043
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(22.089.220.274)	(20.327.177.907)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	16.744.145.229	17.200.149.108
<i>Nguyên giá</i>	228		18.751.253.961	18.646.940.446
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.007.108.732)	(1.446.791.338)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		78.166.430.000	70.016.430.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.12	74.616.430.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	3.550.000.000	70.016.430.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.099.330.825	1.081.525.864
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1.009.330.825	1.001.525.864
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	90.000.000	80.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		235.963.014.200	211.271.868.678

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		146.073.392.704	139.498.139.685
I. Nợ ngắn hạn	310		84.447.178.498	131.901.591.032
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	-	53.000.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.17	12.888.798.132	6.717.257.409
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	18.966.129.572	35.861.475.698
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	9.733.997.618	5.184.549.568
5. Phải trả người lao động	315	V.20	27.852.596.947	20.536.430.859
6. Chi phí phải trả	316	V.21	6.642.099.457	210.200.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	3.162.873.038	6.341.215.008
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	5.200.683.734	4.050.462.490
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		61.626.214.206	7.596.548.653
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	61.000.000.000	7.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	626.214.206	596.548.653
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		89.889.621.496	71.773.728.993
I. Vốn chủ sở hữu	410		89.889.621.496	71.773.728.993
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	50.987.770.000	42.580.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.26	(718.010.060)	(613.160.060)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	14.510.597.249	8.348.357.892
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	4.631.865.934	2.825.014.566
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.26	926.373.186	565.002.912
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.26	19.551.025.187	18.068.513.683
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.27	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		235.963.014.200	211.271.868.678

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		16.363,55	2.346,87
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 03 năm 2012

Trần Lê Thanh Bình
Người lập biểuVũ Thành Dauh
Kế toán trưởngPhạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

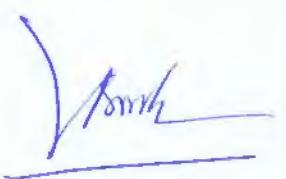
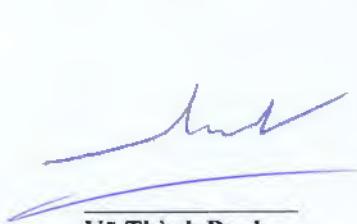
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

/02/
NH
TNH
TUY
ANG
ĐA
CHAN**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	181.824.334.106	163.461.644.806
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	181.824.334.106	163.461.644.806
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	122.078.289.038	116.462.858.935
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.746.045.068	46.998.785.871
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.335.361.560	1.392.229.623
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	9.010.818.400	1.304.716.442
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.004.083.523	1.304.716.442
8. Chi phí bán hàng	24		56.379.636	107.656.819
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	23.442.633.303	22.932.785.748
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.571.575.289	24.045.856.485
11. Thu nhập khác	31		171.419.546	45.495.092
12. Chi phí khác	32		129.311.421	-
13. Lợi nhuận khác	40		42.108.125	45.495.092
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		28.613.683.414	24.091.351.577
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	9.062.658.227	6.022.837.894
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>19.551.025.187</u>	<u>18.068.513.683</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	<u>3.877</u>	<u>3.643</u>



Trần Lê Thanh Bình
Người lập biểuVũ Thành Danh
Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 03 năm 2012

CÔNG TY C.P.
TƯ VẤN XÂY DỰNG
ĐIỆN 4
TP. NHA TRANG - KHÁNH HÒA
Phạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011



BÁO CÁO LUU CHUYEN TIEN TE

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.613.683.414	24.091.351.577
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9,10	2.322.359.761	2.871.298.925
- Các khoản dự phòng	03		(1.363.928.771)	(1.795.486.635)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	(2.911.164)	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(838.077.279)	(718.935.833)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9.004.083.523	1.304.716.442
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37.735.209.484	25.752.944.476
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		5.349.747.272	(17.825.045.510)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	(5.599.690.662)	2.239.085.979
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.351.167.870	(4.875.655.780)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(63.656.307)	244.058.362
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22,VI.4	(10.121.269.635)	(1.306.373.315)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(7.322.837.894)	(4.693.131.218)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		7.000.000	6.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(878.141.000)	(822.283.719)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.457.529.128	(1.280.400.725)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.604.837.189)	(2.733.304.369)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.13	1.000.000.000	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.13	(1.000.000.000)	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.12,13	(8.150.000.000)	(63.958.430.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	838.077.279	718.935.833
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30		(12.916.759.910)	(65.972.798.536)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - Thành phố Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

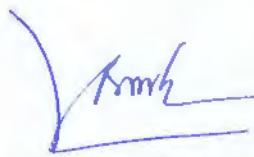
Báo cáo lưu chuyen tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU

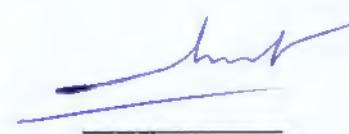
Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
-------	-------------	---------	-----------

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.26 (104.850.000)	(108.330.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16,24 107.183.437.000	50.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16,24 (106.183.437.000)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	895.150.000	49.891.670.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	11.435.919.218	(17.361.529.261)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.806.240.274	20.554.939.053
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.4 2.911.164	(387.169.518)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1 14.245.070.656	2.806.240.274



Trần Lê Thanh Bình
Người lập biểu



Vũ Thành Danh
Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 03 năm 2012



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011



I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ tư vấn.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Tư vấn, khảo sát, thiết kế điện.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 560 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 547 nhân viên).
5. **Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**
Tại Nghị quyết số 12/ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 01 năm 2011, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2010, Hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi để góp vốn đầu tư dự án Thủy điện Srêpôk 4A, tổng giá trị trái phiếu phát hành là 51 tỷ đồng. Ngày 25 tháng 11 năm 2011 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 đã có Công văn gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Báo cáo kết quả chào bán trái phiếu chuyển đổi, theo đó số lượng trái phiếu đã phân phối 510.000 trái phiếu với tổng số tiền thu được từ việc bán trái phiếu là 51.000.000.000 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

371
CÔNG
KIỂM
TÀI
HÓA TRA

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 06
Phương tiện vận chuyển	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đèn bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất lâu dài nhận bàn giao từ Công ty Nhà Nước được xác định theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tồn thắt cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Giá trị lợi thế doanh nghiệp

Giá trị lợi thế doanh nghiệp được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005. Giá trị lợi thế doanh nghiệp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

202.
TINH
TINH
TUV
ANG
TOA
KHAE

10. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ mất việc làm là 1% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn chủ sở hữu – quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. *Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu*

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyền đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.3

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỒI KÉ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	390.915.000	75.170.000
Tiền gửi ngân hàng	2.837.911.211	2.731.070.274
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng kể từ ngày gửi)	11.016.244.445	-
Cộng	14.245.070.656	2.806.240.274

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện miền Trung	7.435.785.107	3.600.903.668
Ban Quản lý Dự án các Công trình Điện miền Bắc	15.024.451.612	17.203.481.451
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam	5.094.121.336	6.494.121.336
Công ty Cổ phần Thuỷ điện Nho Quê 1	6.037.929.873	6.037.929.873
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện miền Bắc 1	5.919.992.822	5.919.992.822
Công ty Cổ phần Thuỷ điện Trung Nam	5.509.545.455	5.500.000.000
Các khách hàng khác	62.518.970.616	67.090.486.522
Cộng	107.540.796.821	111.846.915.672

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Năng lượng - Hà Nội	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Lê Nguyên	397.101.100	397.101.100
Các nhà cung cấp khác	1.817.873.222	1.976.682.092
Cộng	2.614.974.322	2.773.783.192

4. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	1.001.300.790	295.779.800
Công ty TNHH MTV Địa Chính Bình Nguyên	-	230.000.000
Các đối tượng khác	164.568.000	378.963.108
Cộng	1.165.868.790	904.742.908

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.442.347.246	11.237.833.881
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	(1.363.928.771)	(1.795.486.635)
Số cuối năm	8.078.418.475	9.442.347.246

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	571.391.475	538.123.834
Công cụ, dụng cụ tồn kho	51.420.727	34.652.849
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.085.042.328	1.535.387.185
Cộng	7.707.854.530	2.108.163.868

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên.

8. Phải thu dài hạn của khách hàng

Tiền bảo hành công trình còn phải thu khách hàng:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban quản lý dự án Thuỷ điện 1	184.144.863	1.845.788.202
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Nho Quê	1.532.762.821	1.532.762.821
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	506.106.834	506.106.834
Các khách hàng khác	164.311.300	164.311.300
Cộng	2.387.325.818	4.048.969.157

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	6.333.791.294	8.571.981.178	9.904.610.309	2.297.499.262	27.107.882.043
Tăng trong năm	3.886.872.173	615.191.273	811.750.910	319.018.562	5.632.832.918
Mua trong năm	77.441.818	615.191.273	811.750.910	319.018.562	1.823.402.563
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.809.430.355	-	-	-	3.809.430.355
Số cuối năm	10.220.663.467	9.187.172.451	10.716.361.219	2.616.517.824	32.740.714.961

Trong đó:

Dã khäu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	406.322.380	7.589.665.708	8.981.885.981	1.187.483.559	18.165.357.628
---	-------------	---------------	---------------	---------------	----------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	1.820.590.208	7.871.014.764	9.165.116.058	1.470.456.877	20.327.177.907
Khäu hao trong năm	483.819.608	358.404.998	560.147.731	359.670.030	1.762.042.367
Số cuối năm	2.304.409.816	8.229.419.762	9.725.263.789	1.830.126.907	22.089.220.274

Giá trị còn lại

Số đầu năm	4.513.201.086	700.966.414	739.494.251	827.042.385	6.780.704.136
Số cuối năm	7.916.253.651	957.752.689	991.097.430	786.390.917	10.651.494.687

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	7.093.957.000	9.463.506.000	2.089.477.446	18.646.940.446
Mua trong năm	-	-	104.313.515	104.313.515
Số cuối năm	7.093.957.000	9.463.506.000	2.193.790.961	18.751.253.961

Trong đó:

Dã khäu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	815.455.381	815.455.381
--	---	---	-------------	-------------

0202
IÁNH
Y TNI
võ TÙ
TRAN
HÒA
T.KHẨ

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	479.396.505	967.394.833	1.446.791.338
Khấu hao trong năm	-	199.504.800	360.812.594	560.317.394
Số cuối năm	-	678.901.305	1.328.207.427	2.007.108.732
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	7.093.957.000	8.984.109.495	1.122.082.613	17.200.149.108
Số cuối năm	7.093.957.000	8.784.604.695	865.583.534	16.744.145.229

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng Công trình cải tạo khối nhà 2 tầng 11 Hoàng Hoa Thám. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm

Chi phí phát sinh trong năm	3.809.430.355
Kết chuyển tăng tài sản cố định trong năm	(3.809.430.355)
Số cuối năm	-

12. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	7.461.643	74.616.430.000	-	-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6000884487 ngày 20 tháng 05 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Lăk cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn 103.850.000.000 VND, tương đương 31% vốn điều lệ. Năm 2011, Công ty đã đầu tư thêm 8.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 74.616.430.000 VND/USD, tương đương 22,27% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn là 29.233.570.000VND.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	-	-	6.661.643	66.616.430.000
- Công ty Cổ phần EVN Quốc tế ⁽¹⁾	105.000	1.050.000.000	90.000	900.000.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản EVN Land Nha Trang ⁽²⁾	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn		1.000.000.000		1.000.000.000
Cộng		3.550.000.000		70.016.430.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(1) Trong năm Công ty đã mua thêm 15.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với giá mua là 150.000.000 VND

(2) Liên quan đến khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Bất động sản EVN Land Nha Trang.

- Ngày 6/1/2012, Ủy Ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ra thông báo số 11/TB-UBND kết luận về việc rà soát tiến độ đầu tư các dự án tại khu du lịch bán đảo Cam Ranh. Theo đó, Ủy Ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện thủ tục về thanh lý, thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án Khu du lịch sinh thái và Nghỉ dưỡng EVN Land Nha Trang của Công ty Cổ phần Bất động sản EVN Land Nha Trang.
- Ngày 21/02/2012, Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Khánh Hòa lập công văn số 309/SKHĐT-HTĐT gửi Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa về việc thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư Dự án Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Điện lực do Công ty Cổ phần Bất động sản EVN Land Nha Trang làm chủ đầu tư.
- Ngày 06/03/2012, Ủy Ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã có công văn số 1016/UBND – KT về việc chấp thuận chủ trương cho thay thế chủ đầu tư Dự án Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng EVN Land Nha Trang, theo đó UBND tỉnh đồng ý về chủ trương cho phép Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa thay thế Công ty Cổ phần Bất động sản EVN Land Nha Trang làm chủ đầu tư Dự án Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Điện lực.

Hiện các bên chưa có phương án xử lý các tài sản dở dang của dự án.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Phát sinh tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí hoạt động trong năm	Số cuối năm
Giá trị lợi thế kinh doanh	438.529.588	-	(438.529.588)	-
Chi phí công cụ dụng cụ	522.996.276	1.350.518.428	(864.183.879)	1.009.330.825
Chi phí khác	40.000.000	-	(40.000.000)	-
Cộng	1.001.525.864	1.350.518.428	(1.342.713.467)	1.009.330.825

15. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đặt cọc tiền thuê nhà (Chi nhánh phía Nam)	75.000.000	75.000.000
Đặc cọc cài đặt điện thoại	5.000.000	5.000.000
Ký quỹ làm thẻ taxi MCC Mai Linh	10.000.000	-
Cộng	90.000.000	80.000.000

16. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực ⁽¹⁾	-	50.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.23)	-	3.000.000.000
Cộng	-	53.000.000.000

⁽¹⁾ Khoản vay Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực để góp vốn vào Công ty Cổ phần Thuỷ điện Buôn Đôn theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2010/HĐTD-NH/TCDL ngày 27 tháng 12 năm 2010 và Phụ lục Hợp đồng số 01/2011/PLHD-TCDL-CNDN ngày 19 tháng 01 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả trong năm như sau:

	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển (*)	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Số đầu năm				
Vay ngắn hạn Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	50.000.000.000	-	- (50.000.000.000)	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình – Chi nhánh Khánh Hòa	- 1.500.000.000	-	- (1.500.000.000)	-
Vay ngắn hạn Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Khánh Hòa	- 54.683.437.000	-	- (54.683.437.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3.000.000.000	- (3.000.000.000)	-	-
Cộng	53.000.000.000	56.183.437.000	(3.000.000.000)	(106.183.437.000)

(*) : Theo Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHDD01-2008/EVN – TVDD4 ngày 31/12/2011, năm 2014 là năm đầu tiên Công ty phải trả nợ gốc.

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	3.000.000.000	-
Viện Năng lượng	2.025.643.198	1.380.263.289
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Thương mại HTC	997.036.364	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	983.545.000	983.545.000
Xí nghiệp Đo đạc Bản đồ Nông nghiệp 1 - Hòa Bình	733.998.010	733.998.010
Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 - Đà Nẵng	633.553.901	394.091.191
Công ty Cổ phần Cơ điện Miền Trung	413.952.682	-
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thuỷ lợi Việt Nam	406.352.630	406.352.630
Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng 2	402.995.874	402.995.874
Các nhà cung cấp khác	3.291.720.473	2.416.011.415
Cộng	12.888.798.132	6.717.257.409

18. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý dự án các Công trình Điện Miền Trung	4.601.456.405	21.291.818.261
Công ty TNHH MTV Thuỷ điện Trung Sơn	2.997.175.725	3.222.312.458
Công ty Cổ phần Thuỷ điện Buôn Đôn	2.078.537.000	2.014.058.000
Ban Quản lý dự án Nhiệt Điện 3	1.078.000.000	1.078.000.000
Các khách hàng khác	8.210.960.442	8.255.286.979
Cộng	18.966.129.572	35.861.475.698

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.304.496.723	13.650.314.053	(11.381.812.835)	4.572.997.941
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.322.837.894	9.062.658.227	(7.322.837.894)	4.062.658.227
Thuế thu nhập cá nhân	498.779.075	3.177.268.325	(2.577.705.950)	1.098.341.450
Thuế nhà đất	-	8.675.600	(8.675.600)	-
Các loại thuế khác	58.435.876	64.511.448	(122.947.324)	-
<i>Thuế Môn bài</i>	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<i>Thuế Nhà thầu</i>	58.435.876	61.511.448	(119.947.324)	-
Cộng	5.184.549.568	25.963.427.653	(21.413.979.603)	9.733.997.618

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng của dịch vụ tư vấn thiết kế, khảo sát là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.16.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.613.683.414	24.091.351.577
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.636.949.493	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	36.250.632.907	24.091.351.577
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.062.658.227	6.022.837.894

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động

Quỹ lương trong năm được xác định theo Quyết định số 106/TVD4-HĐQT ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty và Quyết định số 01/QĐ-TVDD4 ngày 11 tháng 02 năm 2012 về việc phê duyệt quyết toán quỹ lương năm 2011. Đơn giá tiền lương đối với doanh thu ghi nhận trong kỳ như sau:

- Hoạt động khảo sát tự làm: 530 VND/1.000 đồng doanh thu
- Hoạt động thiết kế tự làm: 510 VND/1.000 đồng doanh thu

Số dư tại ngày cuối năm là quỹ lương chưa chi hết cho người lao động.

Đ.31
C
CỐI
KIỂM
TẠI
VĂN TRUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thường "Sáng kiến cải tiến - hợp lý hóa sản xuất"	222.200.000	210.200.000
Chi phí khảo sát thiết kế các công trình	6.419.899.457	-
Cộng	6.642.099.457	210.200.000

22. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	214.964.407
Kinh phí công đoàn	2.273.982.494	1.376.550.678
Bảo hiểm xã hội Tỉnh Khánh Hòa	335.271.190	380.750.077
Doanh thu nhận trước (lãi tiền gửi nhận trước)	236.833.334	-
Phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam	68.444.444	3.221.448.985
- Chi phí cổ phần hóa	-	1.187.287.429
- Chi phí lãi vay	68.444.444	1.185.630.556
- Cổ tức phải trả	-	848.531.000
Tiền góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn nhận của các cổ đông khác	154.470.000	288.550.000
Các khoản khác	93.871.576	118.390.166
Cộng	3.162.873.038	6.341.215.008

23. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận năm trước	trích lập từ lợi nhuận trước khi cổ phần hóa	Thưởng từ Tập đoàn Điện lực	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	2.728.706.462	542.055.410	340.539.780	7.000.000	(322.750.000)	3.295.551.652
Quỹ phúc lợi	1.321.756.028	361.370.274	340.539.780	-	(124.285.000)	1.899.381.082
Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty	-	426.851.000	-	-	(421.100.000)	5.751.000
Cộng	4.050.462.490	1.330.276.684	681.079.560	7.000.000	(868.135.000)	5.200.683.734

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam ^(a)	10.000.000.000	7.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi ^(b)	51.000.000.000	-
Cộng	61.000.000.000	7.000.000.000

^(a) Khoản vay dài hạn Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) theo hợp đồng cho vay lại số 01/2008/EVN/TCKT-CPXDDDD4 ngày 15/02/2008 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHDD01-2008/EVN – TVDD4 ngày 31/12/2011, số tiền 10.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay 9 năm, lãi suất tính bằng tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bình quân tham chiếu của 4 ngân hàng thương mại Quốc doanh cộng biên 3%. Trả nợ gốc từ năm 2014 và kết thúc vào năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (b) Trái phiếu chuyển đổi được phát hành nhằm mục đích góp vốn đầu tư dự án Thủy điện Sprêpôk 4A – Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

Mệnh giá	:	100.000 đồng/trái phiếu
Thời hạn	:	2 năm kể từ ngày phát hành 24/11/2011
Lãi suất	:	12%/năm
Quyền chuyển đổi	:	Bắt buộc chuyển đổi 50% vào ngày tròn năm thứ nhất kể từ ngày phát hành và 50% còn lại vào ngày tròn năm thứ hai.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Trái phiếu chuyển đổi	51.000.000.000	25.500.000.000	25.500.000.000	-
Cộng	61.000.000.000	25.500.000.000	35.500.000.000	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.000.000.000	-	3.000.000.000	10.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	-	51.000.000.000	-	51.000.000.000
Cộng	7.000.000.000	51.000.000.000	3.000.000.000	61.000.000.000

25. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	596.548.653	376.506.223
Số trích lập bổ sung	148.212.553	383.699.430
Số đã chi	(118.547.000)	(163.657.000)
Số cuối năm	626.214.206	596.548.653

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu :

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn góp	Tỷ lệ (%)	Vốn góp	Tỷ lệ (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	26.066.880.000	51,12	21.722.400.000	51,02
Các cổ đông khác	24.920.890.000	48,88	20.857.600.000	48,98
Cộng	50.987.770.000	100,00	42.580.000.000	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)



Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.098.777	4.258.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.098.777	4.258.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.098.777	4.258.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	61.739	51.254
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	61.739	51.254
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.037.038	4.206.746
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.037.038	4.206.746
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 VND/cổ phiếu.

Mục đích trích lập các quỹ

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

Quỹ khác của chủ sở hữu (Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ) được dùng để bổ sung vốn điều lệ.

27. Nguồn kinh phí

Ngân sách Nhà nước cấp kinh phí thực hiện đề tài: Xây dựng định mức đánh giá tác động môi trường. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	250.000.000	-
Chi sự nghiệp	(250.000.000)	-
Số cuối năm	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động khảo sát	67.281.953.010	37.663.655.773
Doanh thu hoạt động thiết kế	114.542.381.096	125.797.989.033
Cộng	181.824.334.106	163.461.644.806

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động khảo sát
Giá vốn hoạt động thiết kế
Cộng

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động khảo sát	46.335.865.277	29.436.083.567
Giá vốn hoạt động thiết kế	75.742.423.761	87.026.775.368
Cộng	122.078.289.038	116.462.858.935

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi bán ngoại tệ
Lãi tiền gửi có kỳ hạn
Lãi tiền gửi không kỳ hạn
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
Cộng

	Năm nay	Năm trước
Lãi bán ngoại tệ	-	232.279.342
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	838.077.279	718.935.833
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	485.086.698	87.361.404
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.197.583	353.653.044
Cộng	1.335.361.560	1.392.229.623

4. Chi phí tài chính

Lỗ bán ngoại tệ
Lãi vay ngắn hạn của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực để góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn
Lãi vay dài hạn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam
Lãi vay ngắn hạn khác
Lỗ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện
Cộng

	Năm nay	Năm trước
Lỗ bán ngoại tệ	3.823.713	-
Lãi vay ngắn hạn của Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực để góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	7.271.722.222	-
Lãi vay dài hạn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.481.411.111	1.136.252.667
Lãi vay ngắn hạn khác	250.950.190	168.463.775
Lỗ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.911.164	-
Cộng	9.010.818.400	1.304.716.442

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí cho nhân viên
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng
Chi phí khấu hao tài sản cố định
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí khác
Cộng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	13.418.600.295	15.350.553.646
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	576.437.001	321.274.972
Chi phí khấu hao tài sản cố định	134.630.366	274.787.422
Chi phí dịch vụ mua ngoài	720.585.628	842.934.232
Chi phí khác	8.592.380.013	6.143.235.476
Cộng	23.442.633.303	22.932.785.748

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm
Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.551.025.187	18.068.513.683
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.551.025.187	18.068.513.683
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.042.637	4.960.186
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.877	3.643

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.206.746	3.389.129
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(4.886)	(2.987)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận trong năm 2010	-	677.398
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận trong năm 2011	840.777	840.777
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm trong năm	-	55.869
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.042.637	4.960.186

Năm 2011 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 42.580.000.000 VND lên 50.987.770.000 VND từ lợi nhuận chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm từ cổ tức với số tiền 8.407.770.000 VND. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 4.386 VND xuống còn 3.643 VND.

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.773.317.297	5.302.506.768
Chi phí nhân công	89.457.335.363	73.449.538.177
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.322.359.761	2.871.298.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.082.504.600	40.306.023.279
Chi phí khác	19.491.440.099	15.404.381.040
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	151.126.957.120	137.333.748.189

VII. MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.6 đến VII.10 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán.

Trong năm, Công ty đã phát hành 51.000.000.000 VND trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu với phương án như đã nêu tại Thuyết minh V.24. Do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách tính kế toán nên Công ty vẫn ghi nhận giá trị trái phiếu như nợ phải trả tài chính thông thường mà không tách riêng phần nợ phải trả và phần vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản cam kết

- Theo Quyết định 507/QĐ-TVĐ4 ngày 26 tháng 11 năm 2010, Hội đồng quản trị đã quyết định ngừng không tiếp tục tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN – Land Nha Trang. Số đã góp là 1,5 tỷ VND.
- Công ty nhận ủy quyền của các cổ đông khác của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (là người lao động của Công ty) trong việc góp vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn. Trong năm, Công ty đã chuyển góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn số tiền là 3.100.000.000 VND. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, số tiền đã nhận của các cổ đông còn lại là 154.470.000VND (xem thuyết minh số V.22).
- Theo Nghị quyết số 1938/NQ-HĐQT ngày 20/12/2011 của Hội đồng quản trị về việc “*thông qua cam kết hỗ trợ vay vốn Dự án Thủy điện Srêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn*”, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 thông qua cam kết hỗ trợ vay vốn Dự án Thủy điện Srêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn như sau:
 - + Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 sẽ không chuyển nhượng các cổ phần của Công ty nếu chưa được sự đồng ý trước của Bên cho vay kể từ ngày cam kết chứng nhận này cho tới khi toàn bộ số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng được hoàn trả hết;
 - + Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 sẽ cùng với các cổ đông liên quan tới EVN và các cổ đông cá nhân góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn theo hình thức góp vốn hoặc các khoản vay bổ sung, để đảm bảo sự thiếu hụt về tiền mặt có thể xảy ra trong tương lai của quá trình vay vốn, nhằm đảm bảo khả năng trả nợ của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.

3. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

4. Thông tin bộ phận

Công ty chỉ có một hoạt động kinh doanh chủ yếu là cung cấp dịch vụ khảo sát, thiết kế điện cho các doanh nghiệp tại Việt Nam.

5. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng.

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

Thành viên chủ chốt

Nội dung giao dịch

Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát

Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2011, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2011 là 384.000.000 VND/năm. Trong năm, Hội đồng Quản trị đã nhận thù lao của năm 2010 là 96.000.000 VND, thù lao năm 2011 là 384.000.000 VND.

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thu nhập từ tiền lương và các phụ cấp theo quy chế lương của Công ty. Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm 2011 là 1.789.292.000 VND (năm 2010 là 1.565.995.500 VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (gọi tắt là EVN)	Cổ đông sở hữu 51,12% cổ phần (xem thuyết minh V.26)
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty con của EVN
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	Công ty con của EVN
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	Công ty con của EVN
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Công ty đăng ký sở hữu 31% vốn điều lệ. Ông Phạm Minh Sơn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn

Các giao dịch trọng yếu trong năm giữa Công ty và các bên liên quan khác trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)		
Trả lãi vay	2.598.597.223	1.029.097.222
Chi phí lãi vay phải trả năm nay	1.481.411.111	1.136.252.667
Tăng vốn góp của EVN do phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm trước	4.344.480.000	3.620.400.000
EVN mua 468.595 trái phiếu của Công ty	46.859.500.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Phí khảo sát dự án ĐT ĐZ 500kV PleiKu – Mỹ Phước - Cầu Bông (phí chưa có VAT)	7.010.981.000	-
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực		
Vay để góp vốn vào Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn		50.000.000.000
Trả nợ vay	50.000.000.000	
Trả lãi vay	7.271.722.222	
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn		
Góp vốn điều lệ	8.000.000.000	63.058.430.000
Cung cấp dịch vụ khảo sát, thiết kế	7.805.525.000	18.812.790.000

Tại ngày cuối kỳ, công nợ phải trả với các bên liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	10.068.444.444	13.221.448.985
Phải trả nợ gốc vay (xem thuyết minh số V.16, 24)	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải trả lãi vay (xem thuyết minh số V.22)	68.444.444	1.185.630.556
Phải trả về cổ phần hóa (xem thuyết minh số V.22)	-	1.187.287.429
Phải trả cổ tức 5 tháng cuối năm 2007 (xem thuyết minh số V.22)	-	848.531.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (xem thuyết minh số V.17)	3.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (xem thuyết minh số V.17)	983.545.000	983.545.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (xem thuyết minh số V.16)	-	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (xem thuyết minh số V.18)	2.078.537.000	2.014.058.000
Cộng nợ phải trả	16.130.526.444	66.219.051.985

6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.245.070.656	2.806.240.274	14.245.070.656	2.806.240.274
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	101.849.704.164	106.453.537.583	101.849.704.164	106.453.537.583
Các khoản phải thu khác	2.910.165.181	2.123.341.393	2.910.165.181	2.123.341.393
Cộng	120.004.940.001	112.383.119.250	120.004.940.001	112.383.119.250
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	61.000.000.000	60.000.000.000	61.000.000.000	60.000.000.000
Phải trả người bán	12.888.798.132	6.717.257.409	12.888.798.132	6.717.257.409
Các khoản phải trả khác	38.283.783.648	27.684.394.520	38.283.783.648	27.684.394.520
Cộng	112.172.581.780	94.401.651.929	112.172.581.780	94.401.651.929

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có thời hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

7. Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác và cũng không thể chấp tài sản nào cho đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

9. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	25.500.000.000	35.500.000.000	-	61.000.000.000
Phải trả người bán	12.888.798.132	-	-	12.888.798.132
Các khoản phải trả khác	37.657.569.442	626.214.206	-	38.283.783.648
Cộng	76.046.367.574	36.126.214.206	-	112.172.581.780
Số đầu năm				
Vay và nợ	53.000.000.000	7.000.000.000	-	60.000.000.000
Phải trả người bán	6.717.257.409	-	-	6.717.257.409
Các khoản phải trả khác	27.087.845.867	596.548.653	-	27.684.394.520
Cộng	86.805.103.276	7.596.548.653	-	94.401.651.929

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Địa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám – TP. Nha Trang – Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Khánh Hòa ngày 12 tháng 3 năm 2012

Trần Lê Thanh Bình
Người lập

Vũ Thành Danh
Kế toán trưởng



Phạm Minh Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 4

Dịa chỉ: 11 Hoàng Hoa Thám - TP. Nha Trang - Tỉnh Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục: Bảng đối chiểu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hồi đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	34.295.500.000	(504.830.060)	387.169.518	4.416.700.630	1.473.732.004	294.746.400	13.512.825.617	53.875.844.109
Phát hành cổ phiếu thường từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2009	6.773.980.000	-	-	-	-	-	(6.773.988.000)	(8.000)
Phát hành cổ phiếu thường từ quỹ khen thưởng	1.510.520.000	-	-	-	-	-	-	1.510.520.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành	-	(108.330.000)	-	-	-	-	-	(108.330.000)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2009	-	-	-	3.931.657.262	1.351.282.562	270.256.512	(6.738.837.617)	(1.185.641.281)
Huân nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền cuối năm trước	-	-	(387.169.518)	-	-	-	-	(387.169.518)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	18.068.513.683	18.068.513.683
Số dư cuối năm trước	42.580.000.000	(613.160.060)	-	8.348.357.892	2.825.014.566	565.002.912	18.068.513.683	71.773.728.993
Số dư đầu năm nay	42.580.000.000	(613.160.060)	-	8.348.357.892	2.825.014.566	565.002.912	18.068.513.683	71.773.728.993
Phát hành cổ phiếu thường từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2010	8.407.770.000	-	-	-	-	-	(8.407.776.000)	(6.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ trong năm	-	(104.850.000)	-	-	-	-	-	(104.850.000)
Trích lập các quỹ trong kỳ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	6.162.239.357	1.806.851.368	361.370.274	(9.660.737.683)	(1.330.276.684)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	19.551.025.187	19.551.025.187
Số dư cuối năm	50.987.770.000	(718.010.060)	-	14.510.597.249	4.631.865.934	926.373.186	19.551.025.187	89.889.621.496

TOÀN HỘ KHẨU